TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày: 24 - 3 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Văn Lộc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 29/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ:, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà N, Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh Đ; địa chỉ:, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền số 359/GUQ/2022 ngày 24/10/2022. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại T; địa chỉ:, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông L - Giám đốc công ty; đại diện theo ủy quyền: ông Tr - Phó Giám đốc Công ty. Theo văn bản uỷ quyền ngày 10/02/2023. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2023 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ trình bày:*

Theo hợp đồng kiểm soát mối số 357/20/HDPCO giữa Công ty cổ phần xây dựng thương mại T với Công ty c tại thành phố Đà Nẵng được ký vào ngày

21/8/2020 về việc kiểm soát mối tại Manli Resort Quảng Bình. Tuy nhiên, kể từ khi đó đến nay, Công ty c tại Đà Nẵng liên tục nhắc nợ nhưng Công ty cổ phần xây dựng thương mại T chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán. Trong hợp đồng có nêu rõ thời gian và số tiền thanh toán cho mỗi đợt nhưng từ khi gửi hóa đơn GTGT 0007594 đến nay, dù đã có nhiều lần nhắc nhở, hối thúc trả nợ bằng phương thức gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua Email, điện thoại, công văn nhưng Công ty cổ phần xây dựng thương mại T vẫn chưa chịu trả số tiền như hóa đơn 0007594 cho Công ty c tại Đà Nẵng với số tiền 28.339.245 đồng.

Vì vậy, Công ty c kính đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xem xét và giải quyết buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại T trả cho Công ty c tại Đà Nẵng số tiền còn thiếu là 28.339.245 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

** Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đình Thân trình bày:*

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Công ty cổ phần xây dựng thương mại T (bên A) có ký hợp đồng kiểm soát mối 357/20/HĐPCO với Công ty c tại Đà Nẵng (bên B). Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng Công ty c tại Đà Nẵng chưa thực hiện đúng quy trình kiểm soát mối như trong hợp đồng đã ký, vi phạm một số nội dung hợp đồng đã ký kết gây thiệt hại về vật chất và kinh tế cho Công ty chúng tôi, cụ thể:

1. Tại Điểm 7.2 quyền hạn và trách nhiệm của bên B: Có nội dung "Thông báo cho bên A biết tối thiểu 1 ngày về thời gian xử lý". Tuy nhiên, cả quá trình thực hiện Hợp đồng bên B không thông báo trước cho bên A dẫn đến bên A không bố trí được cán bộ theo dõi quá trình thực hiện của bên B nên không xác định được chất lượng thực hiện của bên B.

2. Trong thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021 không thực hiện việc kiểm tra định kỳ (Theo điều 3: Thời gian hiệu lực và thời gian xử lý) dẫn đến mối đã xâm nhập và gây hại đến Villa 2, phòng 1008, 1006 và 1010. Trong đó, nghiêm trọng nhất là hư hỏng tại Villa 2: Mối ăn hỏng hết khung ngoại và cửa thông phòng nên Công ty Tuấn Phúc phải tạm dừng khai thác từ ngày 18/4/2022 đến ngày 20/05/2022 để thực hiện xử lý mối, thay cửa, vệ sinh lại phòng. Do đó đã làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty (Có email của bên A gửi cho bên B kèm theo).

3. Do quá trình kiểm tra của bên B không thực hiện đúng định kỳ và chưa sâu sát nên có những thời điểm bên A phát hiện mối xâm nhập đã báo cho bên B (Báo cho ông Nguyễn Văn Tiềm – Cán bộ được bên B giao phụ trách kiểm tra và xử lý tại bên A). Nhưng khi tiếp nhận thông tin thì Ông Tiềm không phối hợp xử lý kịp thời (lấy lý do đi họp, bận việc cá nhân, ...) nên tác hại do mối gây ra càng nghiêm trọng hơn. Do đó, thời gian để bên A đưa phòng vào khai thác cũng chậm hơn.

4. Sau khi khi bên A phản ánh các tồn động bằng email vào lúc 11h412 ngày 01 tháng 6 năm 2022, liên quan kế hoạch, quy trình kiểm soát diệt mối và tính thực thi. hậu kiểm, xác nhận giữa hai bên và được phía Bên B là: Nguyễn Thành N ghi nhận các tồn đọng, thiếu sót và phản hồi lại bằng email 11h57 ngày 01 tháng 6 năm 2022 và hẹn gặp trực tiếp làm việc cùng Ban giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại T tại, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Phía bên B đã nhìn nhận sự việc phản hồi bằng email là đúng, Ông Nguyễn Thành N đại diện.

5. Bên A đã có thông báo tạm dừng hợp đồng với bên B về kiểm soát diệt mối bằng email, tuy nhiên bên B không có kế hoạch làm các thủ tục cần thiết để thanh lý hợp đồng với bên A, bên cạnh đó nhân viên bên B tại Quảng Bình là: Lê Tiến Tr tự ý vào Công ty thay đổi hiện trạng trạm bẫy mối giữa khu vực Villa I và Villa2, Quản lý Công ty phát hiện giao cho Bảo vệ xử lý.

6. Thiệt hại do bên B gây ra cho bên A.

Căn cứ vào các nội dung nêu trên và căn cứ vào quá trình bên A khắc phục, bên A thống kê các thiệt hại do bên B gây như sau: Giá bán căn Villa 2 2.000.000đ/đêm x 14 đêm = 28.000.000 đồng.Vật tư thay cửa, khung ngoại do mối ăn + tiền công = 5.000.000 đồng.

Tổng thiệt hại kinh tế bên A phải chịu: 33.000.000 đồng.

Từ những lý do nêu trên, Công ty cổ phần xây dựng thương mại T kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới xem xét thấu đáo, phán xét công bằng cho những thiệt hại của Công ty chúng tôi do Công ty c gây ra. Tuy nhiên, số tiền trên Công ty cổ phần xây dựng thương mại T đưa ra để toà án xem xét nhưng không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phía bị đơn có địa chỉ tại thành phố Đồng Hới. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bên đã đến Tòa án làm bản tự khai, lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án. Tại phiên tòa lần hai các bên đương sự có mặt HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của Công ty c yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng thương mại T phải trả 28.339.245 đồng cho Công ty c.

Công ty cổ phần xây dựng thương mại T (được gọi tắt bên A) có ký hợp đồng kiểm soát mối số 357/20/HĐPCO ngày 21/8/2020 với Chi nhánh Công ty c tại Đà Nẵng (được gọi tắt bên B). Sau khi ký kết hợp đồng bên B đã thực hiện kiểm soát mối bằng cách lắp đặt và bảo trì hệ thống ngăn chặn và bẫy mối Exterra do hãng Ensystex Hoa kỳ sản xuất, các bên đã thừa nhận và đã thực hiện các nội dung của hợp đồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Khi tham gia ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự

nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 116,117, 118, 119 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, trong khi thực hiện hợp đồng bên A cho rằng bên B đã vi phạm hợp đồng cụ thể: Cả quá trình thực hiện Hợp đồng bên B không thông báo trước cho bên A dẫn đến bên A không bố trí được cán bộ theo dõi quá trình thực hiện của bên B nên không xác định được chất lượng thực hiện của bên B, không thực hiện việc kiểm tra định kỳ dẫn đến mối đã xâm nhập và gây hại đến Villa 2, phòng 1008, 1006 và 1010, chưa sâu sát nên có những thời điểm bên A phát hiện mối xâm nhập đã báo cho bên B. Bên A đã có thông báo tạm dừng hợp đồng với bên B về kiểm soát diệt mối bằng email, bên B không có kế hoạch làm các thủ tục cần thiết để thanh lý hợp đồng với bên A.

Bên B cho rằng liên tục nhắc nợ nhưng bên A chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán. Trong hợp đồng có nêu rõ thời gian và số tiền thanh toán cho mỗi đợt nhưng từ khi gửi hóa đơn GTGT số 0007594 đến nay, dù đã có nhiều lần nhắc nhở, hối thúc trả nợ bằng phương thức gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua Email, điện thoại, công văn cho bên A nhưng vẫn chưa chịu trả số tiền như hóa đơn số 0007594 cho bên B.

Căn cứ theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 05/4/2022 hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ và đã thừa nhận số nợ trên. Do đó, bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền 28.339.245 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên tổng số tiền được chấp nhận là 28.339.245 đồng x 5% = 1.416.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự 2015; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần khử trùng Việt Nam.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại T phải trả cho Công ty c số tiền 28.339.245 đồng (hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 13, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại T phải chịu án phí 1.416.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

- Công ty c không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty c số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.517.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001349 ngày 25/11/222 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 24/3/2023, Nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc